

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2025/HNGĐ- ST

Ngày: 19- 02- 2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 238/2024/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2024 về “ *Tranh chấp ly hôn, con chung;* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Q, sinh năm 1984 (có mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Thân Đức C, sinh năm 1978 (có mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Văn C1 sư Văn phòng luật sư chuyên và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh B chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Thân Thị Q trình bày: Chị và anh Thân Đức C2 hôn ngày 16/9/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1(nay là

Ủy ban nhân dân phường H tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà chồng tại thôn Đ, xã H (nay là tổ dân phố Đ, phường H. Quá trình sinh sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, từ quan điểm sống, việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Ngày 25/7/2024 do mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng, anh C3, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đưa cháu T, vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Thân Đức C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Thân Đức M ngày 13/9/2005, cháu Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007 và cháu Thân Đức P Tsinh ngày 04/9/2022. Cháu Thân Đức M1 tại đã trưởng thành, đủ khả năng tự quyết định cuộc sống của mình nên chị không đề nghị giải quyết. Cháu Thân Thị Kiều A1 có ý kiến muốn ở cùng bố thì chị đồng ý.

Đối cháu Thân Đức P TQuá trình giải quyết vụ án Tòa án có Quyết định trưng cầu giám định, kết quả tài liệu Tòa án thu thập được kết luận anh Thân Đức C4 có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Thân Đức P T, chị không có ý kiến gì kết quả này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thân Đức C là bị đơn trình bày: Anh và chị Thân Thị Q1 hôn ngày 16/9/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1(nay là Ủy ban nhân dân phường H tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về nhà anh tại thôn Đ, xã H (nay là tổ dân phố Đ, phường H. Quá trình sinh sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải. Ngày 27 tháng 7 năm 2024 anh nghi ngờ cháu Thân Đức P Tkhông phải là con nên anh lấy mẫu tóc của anh và cháu Tđề nghị giám định ADN. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 105/24/ADN/HT kết luận: “ người có mẫu ghi tên Thân Đức C4 có quan hệ huyết thống bố- con với người có mẫu ghi tên Thân Đức P TVợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị Q2 cháu T1 nhà bố mẹ đẻ, sau đó thuê nhà ở gần trường mầm non T4

Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn của chị Thân Thị Q3

Về con chung:

Thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Thân Đức M ngày 13/9/2005, cháu Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007 và cháu Thân Đức P Tsinh ngày 04/9/2022.

Cháu M1 đã trưởng thành, có quyền tự quyết định cuộc sống của mình nên anh không đề nghị giải quyết. Cháu Thân Thị Kiều A2 đang ở với anh, cháu có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị Tòa án giao con chung là Thân Thị Kiều A3 anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không đề nghị chị Qcấp D nuôi con.

Về cháu Thân Đức P T, quá trình giải quyết vụ án anh có đơn đề nghị trưng cầu giám định, Tòa án đã thu thập được tài liệu, chứng cứ là kết quả xét nghiệm ADN xác định anh không có quan hệ huyết thống bố - con với Thân Đức P TĐề nghị Tòa án không công nhận Thân Đức Phúc T2 con đẻ của anh.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất chung, công sức đóng góp: Anh xác định không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C5 khi phân tích đánh giá chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử: Anh Thân Đức C6 cháu Thân Đức P Tkhông có quan hệ huyết thống, không có quan hệ cha, con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị Q4 anh Thân Đức C

- Về con chung: Giao cho anh C nuôi cháu Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007; về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Không công nhận anh Thân Đức C6 cháu Thân Đức P T có quan hệ huyết thống bố - con.

- Về chi phí tố tụng: Anh Thân Đức C phải chịu 6.500.000 đồng chi phí xét nghiệm AND, anh C đã nộp đủ.

- Án phí: Chị Thân Thị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Thân Đức C7 nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Q4 anh C8 nộp đủ

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Chị Thân Thị Q5 đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Việt

Yên giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Anh Thân Đức C9 bị đơn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Anh Thân Đức Cđề N Tòa án *tuyên bố không công nhận quan hệ cha - con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên. Căn cứ khoản 1, khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thân Thị Q4 anh Thân Đức C2 hôn ngày 16 tháng 9 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1(nay là phường H là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2013- 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn từ quan điểm sống, việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm. Ngày 27 tháng 7 năm 2024 anh C10 ngờ cháu Thân Đức P Tkhông phải là con nên anh lấy mẫu tóc của anh và cháu Tđề nghị giám định ADN. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 105/24/ADN/HT kết luận: “ người có mẫu ghi tên Thân Đức C4 có quan hệ huyết thống bố- con với người có mẫu ghi tên Thân Đức P TVợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị Q2 cháu T1 nhà bố mẹ đẻ, sau đó thuê nhà ở gần trường mầm non T5 chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 7 năm 2024 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh C cho rằng cháu Thân Đức P T không phải là con đẻ của anh C. Sau khi xảy ra mâu thuẫn chị Q đưa cháu T về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Q4 anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn, anh C11 ý. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Đức M ngày 13/9/2005, cháu Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007. Cháu Thân Đức M1 tại đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của con chung tên Thân Thị Kiều A4 là ở với bố. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho anh C12 tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Thân Thị Kiều A4, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét yêu cầu của anh Thân Đức C13 việc không công nhận anh Thân Đức C và cháu Thân Đức P T có quan hệ bố- con, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Kết quả xét nghiệm ADN số: 7177H/2025 ngày 22 tháng 01 năm 2025 kết luận: Thân Đức C không có quan hệ huyết thống bố- con với Thân Đức P T Căn cứ khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Thân Đức C về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu Thân Đức P T sinh ngày 04/9/2022 là con đẻ của anh Thân Đức C.

[5] Về tài sản chung, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Anh Thân Đức C14 nguyện chịu cả 6.500.000 đồng chi phí xét nghiệm ADN anh C8 nộp đủ.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Thân Thị Q tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C14 nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1, khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị Q và anh Thân Đức C.

2. *Về con chung*:

[2.1] Giao cho anh Thân Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007; về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị Q có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Thân Đức C4 công nhận cháu Thân Đức P Tsinh ngày 04/9/2022 là con đẻ của anh Thân Đức C.

3. *Về tài sản chung, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Thân Đức C phải chịu 6.500.000 đồng chi phí xét nghiệm AND, anh C đã nộp đủ.

5. *Về án phí*: Chị Thân Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001400 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị Q đã nộp đủ. Anh Thân Đức C7 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001327 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Anh C đã nộp đủ

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- Chi cục THADS TX Việt Yên;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường Hồng Thái.

Bùi Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN TỈNH BẮC GIANG

Vào hồi giờ phút ngày 19 tháng 02 năm 2025

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị H

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị L

Ông Nguyễn Văn C15

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 238/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Q

Bị đơn: Anh Thân Đức C

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1, khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị Q và anh Thân Đức C.

2. *Về con chung*:

[2.1] Giao cho anh Thân Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thân Thị Kiều A ngày 17/9/2007; về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị Q có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Thân Đức C4 công nhận cháu Thân Đức P Tsinh ngày 04/9/2022 là con đẻ của anh Thân Đức C.

3. *Về tài sản chung, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Thân Đức C phải chịu 6.500.000 đồng chi phí xét nghiệm AND, anh C đã nộp đủ.

5. *Về án phí*: Chị Thân Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001400 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị Q đã nộp đủ. Anh Thân Đức C7 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001327 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Anh C đã nộp đủ

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ.....phút ngày 19 tháng 02 năm 2025

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe ký tên dưới đây.

Thành viên

Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

N1